

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Biểu mẫu 05
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, đầu năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh.	Tổng số học sinh: 189 em. (6 lớp)	Tổng số học sinh: 215 em. (6 lớp)	Tổng số học sinh: 215 em. (6 lớp)	Tổng số học sinh: 193 em. (6 lớp)	Tổng số học sinh: 207 em. (5 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. 3. Trẻ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại khu vực thuộc địa bàn phường 11.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	- Thực hiện đúng Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; - Công văn 896/BGD&ĐT ngày 13/02/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về “Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông”; không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm. - Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện chương trình phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh và công văn số 1060/GDĐT-TH ngày 14/10/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo. - Công văn số 3159/SGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm				

		học 2023-2024 và triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 4.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, thông báo, trang web, liên lạc điện tử... - Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Thực hiện đánh giá học sinh lớp 1, 2, 3, 4 năm học 2023-2024 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học. - Tiếp tục thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 về đánh giá học sinh tiểu học đối với học sinh lớp 5. - Gia đình thường xuyên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong mọi hoạt động của học sinh. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các buổi lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, Đố vui dễ học; Trò chơi dân gian .. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các sân chơi cuối tuần...
V	Kết quả năng lực, phẩm	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện các năng lực,

	chất, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	phẩm chất. - Lễ phép, tích cực, năng động. - Được giáo dục về kỹ năng sống. - Có ý thức bảo vệ môi trường - Hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,52% - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức khỏe để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa cấp Tiểu học với cấp THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Quận 6, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Chu Thị Hương

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện...



Có thể thấy rằng, công tác quản lý, sử dụng tài sản công vẫn còn nhiều bất cập, cần được cải thiện và nâng cao hơn nữa để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý tài sản công.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong công tác quản lý tài sản công.

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện...

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Biểu mẫu 07
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, đầu năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4500	4,41
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2119	2,07
VI	Tổng diện tích các phòng	1344	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	-
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	-
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	296	-
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	-
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	-
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	120	-
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	-
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	-
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	24	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	
1.2	Khối lớp 2	6	
1.3	Khối lớp 3	6	
1.4	Khối lớp 4	6	

1.5	Khối lớp 5	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	/	
2.2	Khối lớp 2	/	
2.3	Khối lớp 3	/	
2.4	Khối lớp 4	/	
2.5	Khối lớp 5	3	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Thiết bị khác...	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	137
XI	Nhà ăn	297

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	27 - 1296 m ²	862	1,5 hs/chỗ
XIII	Khu nội trú	00	00	00

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	24	00	(24 x 48 m ²) (Nam:1146/2312) 0,5 (Nữ:1166/2312) 0,5

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

(*Theo Quyết định số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 6, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Chu Thị Hương



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, đầu năm học 2023-2024

Biểu mẫu 08
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	56		3	40	4	3	6		27	17	43	1		
	Giáo viên	41			38	3				27	17	37	3		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	5			4	1				2	3	5			
3	Tin học	2			2					1	1	2			
4	Âm nhạc	1				1				1		1			
5	Mĩ thuật	1				1				1		1			
6	Thể dục	2			2					1	1	2			
II	Cán bộ quản lý	3		3							2	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							1	1			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
III	Nhân viên	12			2	1	3	6							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên học vụ														
10	Tổng phụ trách Đội														
11	Nhân viên bảo vệ	3							3						
12	Nhân viên phục vụ	3							3						

Quận 6, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Chu Thị Hương